

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:10/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 29 - 3 - 2019  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Tài

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Mai Thanh Minh

Ông Lưu Thanh Bình

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngọc Thị Ngoan -Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 355/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐST-XX và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2019 giữa:

**- Nguyên đơn:** Chị Đặng Thanh T, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Tạm trú: ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

**- Bị đơn:** Anh Phạm Quốc B, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 29/5/2018, các bản khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đặng Thanh T trình bày:*

Chị chung sống với anh Phạm Quốc B vào năm 2005, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 60, quyền số 01 ngày 02/8/1999.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh B ham chơi, thiếu trách nhiệm với gia đình, chị đã nhiều lần khuyên ngăn, tạo nhiều cơ hội cho anh B sửa đổi nhưng anh B không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị đã về nhà mẹ ruột ở ấp B, xã P sống từ tháng 4/2017 đến nay không hòa giải đoàn tụ.

Nay chị cương quyết xin ly hôn với anh B vì vợ chồng hết tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài, không thể hòa giải đoàn tụ được nữa.

- Con chung: có 02 con chung là cháu Phạm Huỳnh Khánh D, sinh ngày 02/6/2006; cháu Phạm Huỳnh Khánh V, sinh ngày 02/4/2013. Hiện cháu D đang sống với anh B, cháu V sống với chị. Chị đồng ý giao cháu D cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng, chị sẽ tiếp tục nuôi dưỡng cháu V và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

*\* Tại bản tự khai ngày 18/6/2018, biên bản hòa giải bị đơn anh Phạm Quốc B trình bày tại hồ sơ:*

Anh và chị T chung sống vào năm 2005, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 60, quyền số 01 ngày 02/8/1999.

Trong quá trình chung sống giữa anh và chị T có phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc, chị T nghĩ là rằng anh ăn chơi, không chăm lo cho gia đình. Vì vậy chị T đem con gái về nhà mẹ ruột ở ấp B, xã P sống từ tháng 4/2017 đến nay không hòa giải đoàn tụ.

Nay chị T xin ly hôn anh, anh không đồng ý vì anh còn thương vợ, thương con.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là cháu Phạm Huỳnh Khánh D, sinh ngày 02/6/2006; cháu Phạm Huỳnh Khánh V, sinh ngày 02/4/2013. Hiện cháu D đang sống với anh, cháu V sống với chị T. Trường hợp Tòa chấp nhận cho chị T ly hôn thì anh đồng ý giao cháu V cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh sẽ tiếp tục nuôi dưỡng cháu D và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và người tham gia tố tụng là đúng quy định.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thanh T vì mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng hòa giải đoàn tụ. Ghi nhận về việc nuôi con chung của anh chị. Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Phạm Quốc B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ Điều 227, 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: chị Đặng Thanh T ly hôn với anh Phạm Quốc B. Hiện nay anh B cư trú tại ấp P, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án. Quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị Đặng Thanh T là nguyên đơn, anh Phạm Quốc B là bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thanh T chung sống với anh Phạm Quốc B vào năm 2005, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai (giấy chứng nhận kết hôn số 60, quyển số 01 ngày 02/8/1999) nên hôn nhân trên được xem là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ: Chị T và anh B đều thừa nhận quan hệ hôn nhân giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn về tình cảm vợ chồng nguyên nhân là do anh B ăn chơi, không chăm lo cho gia đình, anh chị thường xuyên cãi vã, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân của anh chị trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, anh chị đã có thời gian dài sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị T ly hôn với anh B là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung:

- Về con chung: Chị T và anh B khai có 02 con chung là [cháu Phạm Huỳnh Khánh D](#), sinh ngày 02/6/2006; [cháu Phạm Huỳnh Khánh V](#), sinh ngày 02/4/2013. [Chị T, anh B thống nhất giao cháu D cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Vycho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.](#)

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh B khai không có nên Tòa án không xem xét

[4] Xét ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đường lối giải quyết vụ án là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ án phí HNGĐ theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 68, 147, 220, 227, 228, 264, 266, 271, 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Đặng Thanh T về việc “Ly hôn” đối với bị đơn anh Phạm Quốc B.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Huỳnh Khánh D, sinh ngày 02/6/2006 cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Phạm Huỳnh Khánh V, sinh ngày 02/4/20013 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T, anh B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Đặng Thanh T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 003764 ngày 29/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị T có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh B có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh ĐN;
- VKS, Thi hành án cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**( ĐÃ KÝ )**

**Nguyễn Hữu Tài**